

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2019/DS-PT

Ngày 04/4/2019

*V/v yêu cầu bồi thường thiệt hại do
tài sản bị xâm phạm*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thế Xương

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Ngọt

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yến Phương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Văn Hùng – Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2019/TLPT-DS, ngày 11 tháng 02 năm 2019 về việc “*Yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 138/2018/DS-ST, ngày 04/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 91/2019/QĐPT-DS ngày 26 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Mai Thành H, sinh năm 1938

Địa chỉ: 136, ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre

Ông Mai Thành H ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Huỳnh Kiến Cát P, sinh năm 1978

Địa chỉ: 101C, ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 28/11/2018)

- Bị đơn: Ông Mai Công H1, sinh năm 1951

Địa chỉ: 137 Tổ 5, ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Mai Thị Ngọc T, sinh năm 1969

Địa chỉ: 136, ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Huỳnh Kiến Cát P, sinh năm 1978

Địa chỉ: 101C, ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

3. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1957

Địa chỉ: 21, ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Người kháng cáo: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Mai Thành H là bà Huỳnh Kiến Cát P; Bị đơn ông Mai Công H1.

(Tất cả đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Mai Thành H là bà Huỳnh Kiến Cát P trình bày:

Vào lúc 14 giờ ngày 09/01/2015, con ông H là bà T phát hiện ông H1 tự ý chặt ngang thân 04 cây mai trồng phía trong hàng rào đất ông H, lúc đó có ông Nguyễn Văn T1 làm bên mặt trận áp chứng kiến. Khi đó, bà T trình báo, Ủy ban nhân dân và Công an xã M, thành phố B có đến lập biên bản chi tiết sự việc.

Do 04 cây mai là tài sản của ông H nhưng ông H1 đã tự ý chặt gây thiệt hại về tài sản cho ông H nên ông H khởi kiện yêu cầu ông H1 bồi thường giá trị 04 cây mai gồm: 01 cây mai lớn trị giá 5.000.000 đồng, 03 cây mai nhỏ trị giá 3.000.000 đồng, tổng cộng là 8.000.000 đồng.

Theo bị đơn ông Mai Công H1 trình bày:

Do cây bên phía hàng rào nhà ông H che khuất lối đi vào nhà ông nên ông có gửi đơn lên Ủy ban nhân dân xã M yêu cầu giải quyết. Đến ngày 03/12/2014, giữa ông và bà T là con ông H đã thỏa thuận, theo đó bà T đồng ý từ ngày 03/12/2014 đến 31/12/2014 bà sẽ dọn hàng rào. Tuy nhiên, đến hết ngày 31/12/2014, bà T vẫn không thực hiện thỏa thuận trên nên ông tiếp tục lên Ủy ban nhân dân xã M nhờ can thiệp giải quyết. Ngày 09/01/2015, ông cùng tổ hòa giải, trong đó có ông Nguyễn Văn T1 bên mặt trận áp đến tại lối đi vào nhà ông. Ông T1 có gọi bà T ra để giải quyết nhưng bà T không ra. Do đó, ông đã cắt tía mai trồng trên đất ông H để thông thoáng lối đi vào nhà trước sự chứng kiến của tổ hòa giải. Đồng thời, trước đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M cũng có văn bản số 537/CV-UBND ngày 01/12/2014 đồng thuận cho ông tự chặt tía những cành cây hàng rào của bà T lấn qua làm cản trở lối đi vào nhà ông.

Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của ông H, ông không đồng ý do khi ông cắt tía mai có sự đồng thuận của Ủy ban nhân dân xã M và sự chứng kiến của tổ hòa giải ấp M, xã M; ông cắt tía mai là để thông thoáng lối đi vào nhà và ông chỉ cắt tía các nhánh mai, không phải là chặt nguyên cây mai.

Đối với yêu cầu độc lập của bà T, ông không đồng ý. Khi bà T và bà P thỏa thuận việc mua bán mai nhưng mai không phải là tài sản của bà T; ông không biết việc mua bán mai giữa bà T và bà P; khi ông cắt tía mai thì mai là tài sản của ông H, không có gì liên quan đến bà T.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Ngọc T trình bày:

Ngày 16/12/2014, bà và bà P có hợp đồng mua bán kiểng, theo đó bà đồng ý bán cho bà P 01 cây mai trồng trên đất của ông H với giá 5.000.000 đồng. Bà đã nhận đủ 5.000.000 đồng từ bà P, hẹn đến ngày 31/01/2015 bà P sẽ bứng mai. Hai bên thỏa thuận nếu xảy ra mất mát, cây chết hoặc bà bán cho người khác thì sẽ chịu bồi thường gấp đôi số tiền là 10.000.000 đồng cho bà P. Nhưng ngày 09/01/2015 xảy ra sự việc ông H1 tự ý chặt mai nên bà không bán được mai cho bà P.

Bà P khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố B buộc bà phải bồi thường 10.000.000 đồng theo hợp đồng ngày 16/12/2014. Trong quá trình giải quyết, bà và bà P thỏa thuận được, theo đó bà đồng ý bồi thường cho bà P 10.000.000 đồng. Ngày 29/5/2018, Tòa án nhân dân thành phố B đã ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 32/2018/QĐST-DS công nhận sự

thỏa thuận này giữa bà và bà P. Nhưng đến nay bà vẫn chưa bồi thường cho bà P.

Việc ông H1 tự ý chặt mai làm bà không bán được mai cho bà P và phải bồi thường cho bà P 10.000.000 đồng nên nay bà có yêu cầu độc lập là yêu cầu ông H1 bồi thường cho bà 5.000.000 đồng.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Kiến Cát P trình bày:

Ngày 16/12/2014 giữa bà và bà T có hợp đồng mua bán kiểng theo đúng như lời trình bày của bà T. Nhưng việc ông H1 chặt mai làm bà T không bán được mai cho bà nên bà đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố B yêu cầu bà T bồi thường 10.000.000 đồng cho bà và hai bên đã thỏa thuận được bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 32/2018/QĐST-DS ngày 29/5/2018. Theo quyết định này thì bà T đồng ý bồi thường cho bà 10.000.000 đồng nhưng đến nay bà chưa nhận tiền bồi thường từ bà T.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Những cây mai trồng phía hàng rào nhà ông H che khuất lối đi vào nhà ông H1. Ông H1 có làm đơn gửi Ủy ban nhân dân xã M yêu cầu giải quyết. Ngày 03/12/2014, tổ hòa giải trong đó có ông tiến hành lập biên bản hòa giải giữa ông H1 và bà T. Kết quả hòa giải, bà T đồng ý dọn hàng rào từ ngày 03/12/2014 đến ngày 31/12/2014. Tuy nhiên, bà T không thực hiện theo thỏa thuận này. Ngày 09/01/2015, tổ hòa giải trong đó có ông cùng ông H1 đến nhà bà T, ông kêu bà T ra để giải quyết nhưng bà T không ra. Do đó, ông H1 đã cắt tỉa các nhánh mai bên phía hàng rào nhà ông H trước sự chứng kiến của tổ hòa giải nhưng tổ hòa giải không lập biên bản vắng mặt bà T. Sau đó, bà T phát hiện và báo Công an xã M, Công an xã có lập biên bản sự việc.

Ông có chứng kiến việc ông H1 cắt tỉa mai của ông H, còn việc ông H yêu cầu ông H1 bồi thường như thế nào, ông không có ý kiến.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 138/2018/DS-ST, ngày 04/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B đã quyết định:

Căn cứ các Điều 604, 605, 608 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Thành H đối với bị đơn ông Mai Công H1, cụ thể tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Thành H về việc yêu cầu bị đơn ông Mai Công H1 bồi thường thiệt hại bốn cây mai với số tiền 1.250.000 (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng.

Buộc ông Mai Công H1 bồi thường cho ông Mai Thành H số tiền 1.250.000 (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền trên chưa được thi hành sẽ được tính lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành cho đến khi thi hành xong.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Thành H về việc yêu cầu bị đơn ông Mai Công H1 bồi thường thiệt hại bốn cây mai với số tiền 6.750.000 (Sáu triệu bảy trăm năm mươi) đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Mai Thị Ngọc T về việc yêu cầu ông Mai Công H1 bồi thường 5.000.000 (Năm triệu) đồng là số tiền mà bà phải bồi thường cho bà Huỳnh Kiến Cát P theo hợp đồng mua bán kiềng ngày 16/12/2014 giữa bà và bà Huỳnh Kiến Cát P.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 337.500 (Ba trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm) đồng ông Mai Thành H phải nộp nhưng được miễn toàn bộ. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bến Tre hoàn trả lại cho ông Mai Thành H số tiền 325.000 (Ba trăm hai mươi lăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011393 ngày 22/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng ông Mai Công H1 phải nộp nhưng được miễn toàn bộ.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Mai Thị Ngọc T phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0019497 ngày 21/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bến Tre

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/12/2018 và ngày 09/01/2019, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Mai Thành H là bà Huỳnh Kiến Cát P kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 138/2018/DS-ST, ngày 04/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre. Theo đơn kháng cáo, bà Huỳnh Kiến Cát P cho rằng: Nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm có phần sai lệch thực tế, trước khi cắt tía mai, ông H1 và một số cán bộ ấp không có mời bà T ra chứng kiến, bà T đang ngủ trưa trong nhà và không có nghe ai kêu ngoài hàng rào. Ông H1 đã cắt ngang 4 thân cây mai mà phần gốc ngay vị trí cắt đang nằm hoàn toàn trong rào nhà ông H. Bà T không có cam kết cắt dọn mai theo yêu cầu của ông H1. Cây mai có giá trị kinh tế mà thiệt hại thấp hơn giá trị còn lại là không hợp lý. Tòa sơ thẩm đã nhận định hành vi cắt tía mai của ông H1 đã gây thiệt hại cho ông H thì phải buộc ông H1 bồi thường cho ông H ít nhất là 5.000.000 đồng vì đây là giá trị được công nhận từ thực tế đã được trao đổi, mua bán với bà P. Cho đến thời điểm này, ông H chưa có văn bản hay đơn kiện nào thể hiện ông không đồng ý việc bà T bán mai. Ngược lại ông còn khẳng định việc ông biết và đồng ý cho bà T bán mai. Do đó, bà đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại vụ án theo hướng sửa án sơ thẩm, buộc ông H1 phải bồi thường cho ông H 5.000.000 đồng tiền cây mai

vàng bán cho bà P mà ông đã cắt biến dạng. Ông H1 trả đủ tiền và bứng cây mai về chứ không khấu trừ theo cách định giá trị còn lại của Tòa án cấp sơ thẩm.

Ngày 17/12/2018, bị đơn ông Mai Công H1 kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 138/2018/DS-ST, ngày 04/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre về việc buộc ông phải bồi thường cho ông Mai Thành H số tiền 1.250.000 đồng. Theo đơn kháng cáo, ông Mai Công H1 cho rằng: Ông cắt tĩa các nhánh mai theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân xã cùng sự đồng ý cho phép của Tổ hòa giải. Ông không có lỗi, ông làm đúng theo trình tự của pháp luật. Phía ông H đã vi phạm không gian quyền sử dụng của gia đình ông nhiều năm nay, làm cản trở lối đi chính vào nhà của gia đình ông. Nay ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại vụ án theo hướng sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Người kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Mai Thành H là bà Huỳnh Kiến Cát P bổ sung nội dung kháng cáo yêu cầu ông H1 phải bồi thường cho ông H 8.000.000 đồng giá trị 4 cây mai mà ông H1 đã cắt tĩa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, bác kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 138/2018/DS-ST, ngày 04/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của các đương sự và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Đối với kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Mai Thành H là bà Huỳnh Kiến Cát P nhận thấy:

Bà Huỳnh Kiến Cát P kháng cáo cho rằng: Nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm có phần sai lệch thực tế, trước khi cắt tĩa mai, ông H1 và một số cán bộ áp không có mời bà T ra chứng kiến, bà T đang ngủ trưa trong nhà và không có nghe ai kêu ngoài hàng rào. Ông H1 đã cắt ngang 4 thân cây mai mà phần gốc ngay vị trí cắt đang nằm hoàn toàn trong rào nhà ông H. Bà T không có cam kết cắt dọn mai theo yêu cầu của ông H1. Cây mai có giá trị kinh tế mà thiệt hại thấp hơn giá trị còn lại là không hợp lý. Tòa sơ thẩm đã nhận định hành vi cắt tĩa mai của ông H1 đã gây thiệt hại cho ông H thì phải buộc ông H1 bồi thường cho ông H ít nhất là 5.000.000 đồng vì đây là giá trị được công nhận từ thực tế đã được trao đổi, mua bán với bà P. Cho đến thời điểm này, ông H chưa có văn bản hay đơn kiện nào thể hiện ông không đồng ý việc bà T bán mai. Ngược lại ông còn khẳng định việc ông biết và đồng ý cho bà T bán mai. Do đó, bà đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại vụ án theo hướng sửa án sơ thẩm, buộc ông H1 phải bồi thường cho ông H 5.000.000 đồng tiền cây mai vàng bán cho bà P

mà ông đã cắt biến dạng. Ông H1 trả đủ tiền và bứng cây mai về chứ không khấu trừ theo cách định giá trị còn lại của Tòa án cấp sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà Huỳnh Kiến Cát P bổ sung yêu cầu ông H1 phải bồi thường cho ông H 8.000.000 đồng giá trị 4 cây mai mà ông H1 đã cắt tĩa.

Xét thấy: Theo biên bản làm việc ngày 18/9/2015 của Thanh tra thuộc Ủy ban nhân dân thành phố B; Biên bản về việc cắt mai ngày 09/01/2015 của Công an xã M thì ông H1 thừa nhận ông là người cắt tĩa 04 cây mai của ông H. Khi ông H1 cắt tĩa mai của ông H không được sự đồng ý của ông H là người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà T là người quản lý tài sản trên đất của ông H, nên hành vi này của ông H1 là sai và có lỗi vì trong biên bản thỏa thuận thành ngày 03/12/2014 hai bên có ký và cam kết dọn thông thoáng lối đi như ông H1 yêu cầu, nhưng không nói rõ nếu không thực hiện thì ông H1 được cắt tĩa và dọn.

Sau khi bị cắt tĩa, 04 cây mai của ông H bị mất giá trị. Theo biên bản định giá ngày 27/02/2018 thì hai bên đều thừa nhận là có thiệt hại xảy ra. Căn cứ biên bản định giá này thì giá trị còn lại của 04 cây mai là 5.000.000 đồng, phần thiệt hại của các cây mai là 2.500.000 đồng. Hành vi cắt tĩa mai của ông H1 đã gây thiệt hại cho ông H nên ông H1 phải có trách nhiệm bồi thường một phần thiệt hại cho ông H là phù hợp luật định.

Tuy nhiên, xét về lỗi nhận thấy: Việc cắt tĩa mai của ông H1 không có sự chứng kiến của bà T, của ông H và chính quyền địa phương là Ủy ban nhân dân xã M không lập biên bản vắng mặt bà T là không hợp pháp. Tuy nhiên, theo biên bản thỏa thuận ngày 03/12/2014 giữa bà T và ông H1 thì bà T cam kết sẽ dọn những cành cây ở hàng rào của bà làm cản trở lối đi vào nhà ông H1 chậm nhất là ngày 31/12/2014. Nhưng đến hết ngày này, bà T vẫn không dọn nên ông H1 có mời một số cán bộ áp đến chứng kiến việc ông dọn hàng rào và những nhánh mai cản trở lối đi vào nhà ông. Trước khi cắt tĩa mai, ông H1 và một số cán bộ áp có mời bà T ra chứng kiến nhưng bà T không ra, nên ông H1 đã tự ý cắt tĩa các nhánh mai cản trở lối đi vào nhà ông H1, không cắt tĩa những nhánh mai bên trong hàng rào nhà ông H. Bà P kháng cáo cho rằng trước khi cắt tĩa mai, ông H1 và một số cán bộ áp không có mời bà T ra chứng kiến, bà T đang ngủ trưa trong nhà và không có nghe ai kêu ngoài hàng rào. Việc này phía ông H1 không thừa nhận và có đoàn nhiều người chứng kiến. Mặt khác, bà T đã bán mai cho bà P trong đó có cây mai bà T cam kết cắt dọn theo yêu cầu của ông H1 và bà T cũng không báo cho ông H1 biết. Như vậy, trong trường hợp này lỗi thuộc về cả ông H1 lẫn bà T.

Do đó, ông H1 chỉ phải chịu trách nhiệm bồi thường cho ông H $\frac{1}{2}$ thiệt hại đã xảy ra là $\frac{1}{2} \times 2.500.000 \text{ đồng} = 1.250.000 \text{ đồng}$ là phù hợp theo quy định tại mục I.2.2.a Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Kháng cáo của bà P đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông H1 phải bồi thường cho ông H 8.000.000 đồng là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[2] Đối với kháng cáo của bị đơn ông Mai Công H1 nhận thấy:

Ông Mai Công H1 kháng cáo cho rằng: Ông cắt tía các nhánh mai theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân xã cùng sự đồng ý cho phép của Tổ hòa giải. Ông không có lỗi, ông làm đúng theo trình tự của pháp luật. Phía ông H đã vi phạm không gian quyền sử dụng của gia đình ông nhiều năm nay, làm cản trở lối đi chính vào nhà của gia đình ông. Nay ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại vụ án theo hướng sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Như đã phân tích ở trên, ông H1 thừa nhận đã có hành vi cắt tía 04 cây mai của ông H. Khi ông H1 cắt tía mai của ông H không được sự đồng ý của ông H là người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà T là người quản lý tài sản trên đất của ông H và thiệt hại thực tế có xảy ra. Do đó, ông H1 phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông H theo quy định của Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006. Tuy nhiên, do bà T cũng có một phần lỗi trong trường hợp này nên ông H1 chỉ phải chịu trách nhiệm bồi thường cho ông H $\frac{1}{2}$ thiệt hại đã xảy ra là $\frac{1}{2} \times 2.500.000$ đồng = 1.250.000 đồng là phù hợp theo quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo của ông H1 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, thấy rằng quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các đương sự kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu của mình nên không được chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm, do kháng cáo không được chấp nhận nên lẽ ra ông Mai Thành H và ông Mai Công H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, do ông Mai Thành H và ông Mai Công H1 đều là người cao tuổi nên 2 ông được miễn toàn bộ án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Mai Thành H là bà Huỳnh Kiến Cát P; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Mai Công H1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 138/2018/DS-ST, ngày 04/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B.

Áp dụng các Điều 604, 605, 608 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Thành H đối với bị đơn ông Mai Công H1, cụ thể tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Thành H về việc yêu cầu bị đơn ông Mai Công H1 bồi thường thiệt hại bốn cây mai với số tiền 1.250.000 (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng.

Buộc ông Mai Công H1 bồi thường cho ông Mai Thành H số tiền 1.250.000 (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Thành H về việc yêu cầu bị đơn ông Mai Công H1 bồi thường thiệt hại bốn cây mai với số tiền 6.750.000 (Sáu triệu bảy trăm năm mươi) đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Mai Thị Ngọc T về việc yêu cầu ông Mai Công H1 bồi thường 5.000.000 (Năm triệu) đồng là số tiền mà bà phải bồi thường cho bà Huỳnh Kiến Cát P theo hợp đồng mua bán kiếng ngày 16/12/2014 giữa bà và bà Huỳnh Kiến Cát P.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 337.500 (Ba trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm) đồng ông Mai Thành H phải nộp nhưng được miễn toàn bộ. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bến Tre hoàn trả lại cho ông Mai Thành H số tiền 325.000 (Ba trăm hai mươi lăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011393 ngày 22/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng ông Mai Công H1 phải nộp nhưng được miễn toàn bộ.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Mai Thị Ngọc T phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0019497 ngày 21/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bến Tre

- Án phí dân sự phúc thẩm: ông Mai Thành H và ông Mai Công H1 được miễn toàn bộ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP B;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh;
- CCTHADS TP B;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Thế Xương